

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 570/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024

“V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2024/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 04 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - sinh năm: 1988 (Có mặt)

-Bị đơn: Anh Lê Minh K - Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị N1 trình bày: Chị và anh K tự tìm hiểu nhau khoảng gần 01 năm, sau đó gia đình hai bên tổ chức đám cưới năm 2004. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G. Vợ chồng hạnh phúc gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh K không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Anh chị đã ly thân từ đầu tháng 01 năm 2024 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay chị N1 yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh T - sinh ngày: 10/04/2004 và Lê Minh Đ - sinh ngày: 02/01/2011. Hiện cháu T đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N1, triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh K không trình bày ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N1 và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N1. Về con chung, hiện cháu T đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Xét thấy hiện cháu Đ đang chung sống ổn định với chị N1, chị N1 đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị tiếp tục giao cháu Đ cho chị N1 tiếp tục nuôi dưỡng do chị N1 không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí, đề nghị buộc chị N1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N1 khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh Lê Minh K. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã được cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Lê Minh K cưới nhau vào năm 2004, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp

pháp. Chị N1 xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau, anh K không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị N1 và anh K đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....*”. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh K không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N1 và không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N1 được ly hôn với anh Lê Minh K.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của chị N1 và giấy khai sinh có cơ sở xác định, chị N1 và anh K có 02 con chung tên Lê Minh T - sinh ngày: 10/04/2004 và Lê Minh Đ - sinh ngày: 02/01/2011. Hiện cháu T đã trưởng thành, có cuộc sống riêng. Chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Xét thấy hiện cháu Đ đang chung sống ổn định với chị N1, chị N1 đảm bảo các điều kiện chăm sóc và giáo dục con, anh K không có ý kiến phản đối về yêu cầu nuôi con của anh N1. Cháu Đ có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị N1 do đó yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị N1 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chị N1 không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị N1 phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002666 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N1 được ly hôn với anh Lê Minh K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh Đ - sinh ngày: 02/01/2011 cho chị N1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị N1 phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002666 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị N1 biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 23/9/2024, anh K được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An